TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2021/DS-ST
Ngày 16 -7-2021
V*/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải và ông Hồ Quang Hiển.
- **Thư ký phiên tòa**: Ông Vi Thế Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Ông Tống Mạnh Cường - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2021, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS, ngày 01/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 137/2021/QĐST-DS, ngày 30/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Choóng Văn C, sinh năm 1990 - Có mặt;
Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Nâm N', huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông.
- *Bị đơn:* Anh Ông Văn K- Vắng mặt lần 2 không lý do.
Địa chỉ: Thôn Nam T, xã Nâm N, huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông.
- *Người làm chứng:*
1. Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1996 – có mặt
2. Anh Phạm Văn C, sinh năm 1992 – vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn Nam T, xã Nâm N, huyện Krông Nô.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/01/2021 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 28/01/2021), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Choóng Văn C trình bày:

Ngày 01/11/2020 ông Choóng Văn C có cho anh Ông Văn K vay số tiền 50.000.000 đồng, các bên thống nhất viết nội dung vay mượn vào giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất. Anh Ông Văn K ký tên vào giấy vay tiền, hẹn đến ngày 01/12/2020 anh K sẽ trả toàn bộ khoản nợ. Khi ông C cho anh K vay tiền có sự

chứng kiến của anh Nguyễn Ngọc Đ và anh Phạm Văn C, anh C có ký tên vào phần người làm chứng, do trước đó anh K nợ ông C 1.500.000 đồng nên viết vào giấy nợ là 51.500.000 đồng. Đến hạn trả nợ ngày 01/12/2020 anh Ông Văn K không thanh toán được như thỏa thuận, ông C đã yêu cầu nhiều lần nhưng anh K vẫn không trả nợ. Hiện nay anh K vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó ông C yêu cầu Tòa án buộc anh K phải thanh toán cho ông C khoản nợ gốc là 51.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 02/12/2020 đến ngày xét xử 27/01/2021 là 01 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 10%/năm = 0.83%/tháng = 800.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông C xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi, chỉ yêu cầu cầu bị đơn trả tiền gốc là 51.500.000 đồng.

Ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ông Văn K không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Ông Văn K hợp lệ, tuy nhiên anh K vắng mặt tại địa phương.

Quá trình làm việc tại Tòa án người làm chứng anh Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Chiều tối ngày 01/11/2020 anh Đ có mặt tại nhà ông Choóng Văn C và thấy ông C đưa anh Ông Văn K số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, hẹn 01 tháng sau anh K trả tiền.

Quá trình làm việc tại Tòa án người làm chứng anh Phạm Văn Cường trình bày: Khoảng cuối năm 2020 anh Cường có mặt tại nhà ông Choóng Văn C và thấy ông C cho anh Ông Văn Kmượn số tiền 50.000.000 đồng, ông C trực tiếp giao tiền cho anh K, hai bên có viết giấy vay tiền, tuy nhiên anh Cường không biết nội dung cụ thể trong giấy vay tiền.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Ông Văn K phải thanh toán cho ông Choóng Văn C số tiền nợ gốc là 51.500.000 đồng, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị Ng là vợ của nguyên đơn Choóng Văn C trình bày: Số tiền 51.500.000 đồng anh Choóng Văn C kiện anh K là tiền riêng của của ông C chị không liên quan, không phải là tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Choóng Văn C khẳng định chỉ cho bị đơn là anh K vay tiền không liên quan đến những người khác, nên anh chỉ yêu cầu anh K trả tiền.

Về án phí: Buộc anh Ông Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ông Choóng Văn C khởi kiện anh Ông Văn K do anh K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy vay tiền mà hai bên xác lập vào ngày 01/11/2020. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về thẩm quyền: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Ông Văn K. Tòa án đã xác minh tại thôn trưởng thôn Nam T và Công an xã Nâm N, thể hiện anh K trước đây có đăng ký tạm trú và sinh sống tại thôn Nam T, xã Nâm N, huyện Krông N, tỉnh Đăk Nông. Tuy nhiên từ đầu năm 2021 anh K thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho ông C biết. Vì vậy chính quyền địa phương và ông C không xác định được nơi sinh sống và làm việc của anh K.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 NQ số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."

Điều 6:

"2. Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:

a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;"

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên thì xác định được anh K là người có nghĩa vụ đối với ông C, nhưng anh K không thực hiện nghĩa vụ theo đúng nội dung thỏa thuận giữa hai bên, ông thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương và không thông báo địa chỉ mới cho ông C, do đó xác định anh K cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Tại phiên tòa, bị đơn anh Ông Văn K vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh K vẫn không có mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS.

[3]. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc 51.500.000 đồng: Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ mà nguyên đơn ông C cung cấp cho Tòa án là theo *"Giấy vay tiền vào ngày 01/11/2020, có nội dung anh Ông Văn K vay của ông Choóng Văn C số tiền 51.500.000 đồng từ ngày 01/11/2020 đến ngày 01/12/2020 sẽ thanh toán*", anh K ký tên vào giấy vay tiền, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Ngọc Đ và anh Phạm Văn C, tại thời điểm xác lập giấy cho vay tiền và ký nhận giữa anh K và ông C. Xét nội dung và mục đích của giấy vay tiền thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự thì giao dịch vay tiền giữa ông C và anh K đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bên vay khi đến hạn. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, việc anh K có vay tiền của ông C là có thật.Việc vay tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc nào, đáp ứng đủ điều kiện được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.* Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa ông C và anh K là hợp pháp. Đến hạn trả nợ anh K không trả cho ông C khoản tiền nào cả gốc và lãi nên ông Kỷ đã vi phạm nghĩa vụ dân sự theo 1 Điều 351 của BLDS *"1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ".* Do anh K vi phạm nghĩa vụ nên ông C khởi kiện yêu cầu anh K trả số tiền gốc 51.500.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Khi vay các bên không thỏa thuận về lãi suất, ông Choóng Văn C yêu cầu tính tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 02/12/2020 đến ngày xét xử 16/7/2021 là 01 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 10%/năm = 0.83%/tháng; tiền lãi là 51.500.000 đồng x 0.83%/tháng x 01 tháng 26 ngày = 800.000 đồng, theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật

dân sự, xét thấy yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn ông C có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chỉ yêu cầu ông Kỷ trả lại số tiền gốc 51.500.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật, bị đơn không yêu cầu phản tố nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do bên nguyên đơn đã rút.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lý Thị Ng là vợ của nguyên đơn Choóng Văn C trình bày: Số tiền 51.500.000 đồng anh Choóng Văn C kiện anh K là tiền riêng của của ông C chị không liên quan, không phải là tài sản chung vợ chồng nên Tòa án không đưa chị Lý Thị Ng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Choóng Văn C khẳng định chỉ cho bị đơn là anh K vay tiền không liên quan đến những người khác, mặt khác Tòa án không làm việc được với anh K để xác định anh K vay tiền anh Cung sử dụng vào mục đích gì và anh K đã có gia đình nên Tòa án không đưa vợ anh K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh Ông Văn K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Choóng Văn C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 244; 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng các điều 274, 275, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1 Buộc anh Ông Văn K phải thanh toán cho ông Choóng Văn C số tiền gốc 51.500.000 đồng (*Năm mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng*).

1.2 Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Choóng Văn C đã rút, ông Choóng Văn C có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.575.000 đồng (*Hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Buộc anh Ông Văn K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Choóng Văn C 1.308.000 đồng (*Một triệu ba trăm lẻ tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004048 ngày 25/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THA.DS huyện Krông Nô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(***Đã ký)***

Phan Xuân Hoàng